

Số người đi tiếp tục ra Bắc

Theo phúc trình của Ba Lan, tàu Ba Lan đã chở 85 ngàn người ra Bắc so với con số 800 ngàn người vào Nam. Theo báo cáo “Chuyên chở bệ đỡ Việt Minh trên tàu Kilinski 1954-1955 (Nautologia 2001 n.1-2(136), trang 18-21) của thủy quân trưởng Jan Kilinski, ngày 07/04/1955 thì tổng cộng chở một mình chiếc tàu Ba Lan đã chở khoảng 85.000 người tiếp Nam ra Bắc, 3.500 tấn thiết bị quân sự và 250 tấn đạn dược ra Bắc. Con số 85.000 người do chở một chiếc tàu thô, giá đỡ một lần chở được tải đã 5000 người, tàu JanKilinski phải mất bao nhiêu chuyến như trình?

Chiếc chiến hạm Mồ chở nhiều chuyến như thế và nhiều người như thế là tàu General House, đã chở được 50.000 người đi tiếp vào miền Nam. Chiếc General House thuộc loại tiếp vận T-AP, dùng để chuyên chở binh lính. Bình thường chở từ 1200-2000 binh sĩ. Chở quá tải là 3000 người. Trưởng hợp tác nhân công có thể chở từ 5000-7000 người. (Trích OPTF, trang 213)

Theo Ramesh Thakur trong cuốn Peacemaking in Viet Nam, (The University of of Alberta Press, 1984, trang 131) thì con số người tiếp Nam ra Bắc thấp ít ỏi. Chở có 4269 người tiếp miền Nam ra miền Bắc. Trong khi đó Ronald B. Frankum, Jr. viết như sau:



“At the same time, personnel and equipment moved to the South, The French and Polish were involved in transporting those who wished to go to the North. The French had allocated approximately ten ships for Viet Minh transportations and had estimated that sixteen thousand of the possible one hundred fifty thousand personnel had already completed the trip north.”

Cùng lúc, các nhân viên và các thiết bị được chuyển vào Nam, Pháp và Ba Lan đã đổ hết tâm trí vào việc chuyên chở những người muốn được đi ra Bắc. Những chiếc Pháp đã phân phối cho Việt Minh 10 chiếc tiếp vận chuyên chở và một chiếc vận chuyển vào khoảng 16 ngàn người trên tổng số một trăm ngàn có thể là 150.000 ngàn nhân viên đã hoàn tất chuyến đi ra Bắc rồi”. (Trích OPTF, trang 138)

Theo tài liệu trong cuốn Cuộc Di Cư Lịch Sử trang 244, thì chuyến bay đầu tiên chở người ra Bắc vào ngày 08/04/1955 và tổng cộng chở có 15 chuyến.

Có 1018 người được chở ra Bắc bằng phi cơ.

Và có 3340 được chở ra Bắc bằng tàu thủy của Pháp. Tổng cộng là 4.358 người. Tài liệu của Phòng Tổng hợp Di cư rõ ràng là thiếu sót, vì không đề cập đến số lượng người được chở ra Bắc bằng tàu của Ba Lan như đã nêu trên. Vì thế con số hơn 4000 người được chở ra Bắc là không xác thực.

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Tư: 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

Tuy nhiên, có một số thực thể không thể chối cãi là sau này có một số người nhập cư đã bắt đầu trở về miền Nam như trường hợp anh Trần Minh Công từ Bình Định và đồng nghiệp. Nhật báo Cách Mạng Quốc Gia tháng 1 1955 có bài viết tường thuật đầy đủ về trường hợp của anh Nguyễn Minh Công. Theo anh Công, đã có khoảng 300 người đã cùng trở về quê hương và họ đã vào đồng ruộng Quảng Bình, rồi từ Quảng Bình đi đò về sông Bùn Hời. Nhưng khi đi đò về sông Bùn Hời thì chỉ còn lại có 195 người, những người khác đã chết ở đò. (Trích Cuộc Di Cư Lịch Sử, Phạm Trường Kỳ Di Cư, trang 250)

Trên những chuyến tàu chở ra Bắc của tàu Kilinski, Ba Lan, người viết có thể nhìn thấy đò đi Bắc Việt về ra Bắc của một đàn voi vốn là phàm động vật chuyên chở của đò đi Bắc Việt là Cao nguyên Trung phần.

Riêng một số người đi về đò trên Ba Lan “chở dùm” vào miền Nam thì không được cái may mắn như những người đi về đò về vào miền Nam trên các tàu M. Đó là trường hợp của anh đi bắt heo nh của một số đồng nghiệp Ba Làng (Thanh Hóa) đi về vào Nam trên tàu Kilinski của Ba Lan. Và đây là lời kể của anh về con người bị bắt heo nh đó:

“Chúng tôi bắt đầu lên tàu Ba Lan với tất cả hàng hóa và lo sợ vì chúng tôi vốn có cảm tưởng về Việt Cộng sợ đả chúng tôi đi biệt tích một nơi nào khác, chứ không phải vào Nam. Chính vì sợ thế mà nhiều đồng nghiệp chúng tôi không dám đi... Việt Minh chia chúng tôi làm 3 hàng, hàng “phần đò” bị giam xuống đáy tàu, nóng như lò lửa. Hàng “làng khàng”, hàng “tiền bối” được đi trên khá hơn, bị gò ép như cá hộp, ngột thở và không phân biệt lúc nào là ngày và đêm. Ăn thì mỗi ngày được uống bát cơm với một miếng thịt bò như xíu mà mình không thể ăn được... Một số đàn bà trẻ con vì nhợt nhạt, nhớt khát, nóng bức quá nên bắt đầu đi... Thấy thế Ba Lan trên tàu này không hề nhìn ngó đến chúng tôi.

(Trích Cuộc Di Cư Lịch Sử, Phạm Trường Kỳ Di Cư, trang 252)

Người Pháp cũng như Hải quân Mỹ chở người nhập cư về Bắc. Vào ngày 15 tháng 8, Hải quân đô đốc Sabin đã yêu cầu của người Pháp chở 18.000 người nhập cư về Bắc. Và kể từ đó, Hải quân Mỹ được lệnh chở và tất cả mọi yêu cầu chở người nhập cư về Bắc. Chúng ta không kể đến một số không như nhiều người theo Việt Minh còn lo lắng không muốn rời bỏ miền Nam để ra sinh sống ngoài Bắc. Cũng không kể có một số người được cài lại miền Nam để phá rối hiệp định Geneva.

Tài liệu đọc thêm: Người viết hiện đang có trong tay tập tài liệu của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ (? – DCVOnline) ghi lại về việc công nhận cài người nhập cư lại miền Nam Việt Nam như sau: Cuộc xâm lược của miền Bắc, hệ số về chính phủ chính quyền miền Nam Việt Nam của Bắc Việt. Trong phần V của tập tài liệu có ghi như sau:

“Khi Việt Nam bị chia đôi, hàng ngàn đồng nghiệp được đưa đến các trại giam và được đưa đến các trại giam ở miền Nam và gìn giữ hàng máy móc của họ cho nguyên vẹn họ giúp tăng tiến mức đích của Hà Nội. Vũ khí và đồ đạc được tích trữ lại sau này được đem dùng. Du kích quân trở về với gia đình để kêu gọi các đồng nghiệp. Nhưng khác rút vào những sào huyệt ở miền Nam sâu. Đa số, khoảng 90 ngàn người đi về Bắc Việt.

(Trích tài liệu của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, trang 26)

Việt Nam Cộng Hòa sau này cũng cho xuất bản một cuốn sách nhan đề: Chính sách xâm

Việt Cộng tuyên bố chính phủ VNCH sẽ hành vào tháng 07/1962.

Trong các con số Việt Minh tuyên bố, con số nào là chính xác? Khi những người miền Nam được gọi là “tuyên bố”, phần không nhỏ, bản họ để lại gia đình trong Nam. Với con số 85.000 được chuyên chở trên chiếc máy cày theo thuyền trên sông Ba Lan có tin được không? Cũng không hiểu tu Kilinski thu được lợi ích gì? Khả năng chuyên chở đã là bao nhiêu? Và họ đã chuyên chở bao nhiêu chuyên gia vào Nam? Tất cả quá chênh lệch (giữa hai bên) này nói gì?(1)

Những sĩ quan và quân đội quốc gia tiếp quản những khu vực do Việt Minh trao trả lại trước khi ra Bắc theo Hiệp định Geneva

Đây là một vấn đề ít được sách vở tài liệu nói tới. Theo tôi một nhân chứng, đội úy Tùng lúc bấy giờ là sĩ quan tham mưu vào chiến dịch tiếp quản này kể lại những sau cho tôi những chi tiết.

Đội úy Tùng thuộc đơn vị Sub Division Nam Đệ nhất. Đơn vị này trước đây thuộc quân đội Pháp và đã được chuyển giao cho quân đội Quốc gia vào năm 1954 do sĩ quan Đệ nhất Quý Phan làm Tổng trưởng. Trong đơn vị này có các sĩ quan như Tôn Thất Xuân (sau này thăng Thiếu tá) trung tá Phạm Văn Đệ (sau cũng thăng Thiếu tá).

Sau đó, đội úy Tùng được lệnh di chuyển vào miền Nam, tháng 07/1954. Đơn vị của ông do đội tá Lê Văn Kim (sau này thăng Trung tá) làm chỉ huy trưởng của hành quân. Tôn Thất Đính (sau thăng Trung tá) làm Tham mưu trưởng đi tàu há mồm LST của Pháp để bỏ Sa Huỳnh rồi tiếp tục đến Quy Nhơn. Tuy nhiên, việc tiếp quản lại do một tiểu đoàn dù của Tây đi trước nhận bàn giao tiếp giáp phía Việt Minh, sau đó mới giao lại cho quân đội Quốc gia. Sau khi tiếp quản Quy Nhơn rồi lại tiếp quản Sông Cầu, Tuy Hòa. Cũng xin nhắc lại trước khi có Hiệp định Geneva thì nơi đây đã xảy ra một cuộc hành quân lớn tên Operation Atlante có sự tham dự của Đệ nhất Cao Trí mang một Tiểu đoàn Khinh binh từ Bắc vào Tuy Hòa. Cuộc hành quân kết thúc là thất bại.

Tình hình ở Quy Nhơn lúc bấy giờ nằm trong tay quân đội Việt Minh. Không có đường, nên chỉ có đường phố chính có đường nhỏ dùng hai dynamô của xe đạp đạp chạp đạp đạp đạp. Việc giao thông thì có một đoàn xe đạp dài chừng 20 kilô mét, chỉ có một toa. Không có đầu máy. Khi chạp thì người ta dùng tay nắm một cái cần trên trục động cơ như một thanh piston, cần thêm sức của chạp 10 người để đẩy cho toa xe đạp có đà đạp chạp. Khi nào toa xe ngừng lại thì trục đạp tiếp. Đơn vị thì họ lại nhẩy xuống kéo thanh để cho toa xe ngừng lại thay cái thanh.

Tình hình dân chúng thì thật là nhợt nhạt, nên không nói là ác cảm với quân đội Quốc gia. Một lần, lính Quốc gia mang trứng gà đến nhà dân để xin luộc, dân chúng thì chỉ không cho mượn bếp để luộc trứng.

Sau này, quân đội Quốc gia phải bỏ công rất nhiều, dùng tâm lý chiến để lấy được lòng dân. Đệ nhất biệt, sau khi tiếp quản Quy Nhơn xong thì thiếu tá Ngô Đình Diệm có ra thăm và hỏi dân chúng và sau đó, trong dân gian đã truyền tụng hai câu thơ như sau:

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Tư, 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

Mười năm không thấy chị Hằng

Mười có 10 ngày đã đón chị Ngô

Operation Passage to Freedom

Phải nói rằng năm 1954-1955 đánh dấu một cuộc di cư vĩ đại và ngoạn mục trong lịch sử nhân loại. Và đại diện ngoạn mục đó, nhất là những thay đổi trên các tiệp trong việc cứu vớt những người tị nạn thì công việc cứu giúp những di cư từ miền Bắc vào miền Nam thì trước hết và sau cùng cũng vẫn chính là một trách nhiệm tinh thần, một Moral obligation của một dân tộc giúp một dân tộc để có thể sống tốt do trong một chính thể dân chủ, không bao giờ để đưa bất cứ người sang.

Thật vậy, đại diện phần đông các thay đổi các tổ chức, đại diện cho những người Mỹ nay ở tuổi 70 và 80, hãy nhìn thấy công việc của họ với tính cách nhân đạo và cần đại diện sau này, để hiểu gì còn lại vẫn là tình nhân loại trong công việc làm của họ



Họ được quy định được hiểu như thế.

Sở dĩ thân và tinh thần lý tưởng ngày và vẫn phải được nhìn nhận. Một câu sau này, chính phủ Mỹ đã trực tiếp tham gia vào chiến tranh miền Nam thì đó là một vấn đề khác, nhất để không phải là vấn đề của họ.

Riêng đại diện người Việt Nam từ Bắc chí Nam, ý nghĩa cuộc di cư này là một chính thể mới thoát không chấp nhận chế độ cộng sản.

Cộng thể giới đã chú tâm theo dõi biến cố chính thể thế giới đó. Để biết là báo chí Mỹ. Tôi tâm đắc với nhan đề một bài báo với hàng chữ lớn: Let Our People go. Hãy để cho dân chúng tôi đi. Hành trình ra đi đó gọi là cho những người Việt cứu ra đi hơn 2000 năm trước đây của người Do Thái ra khỏi Ai Cập để tìm miền đất hứa.

Và xin được dân một chính thể và cứu ra đi hào hùng và cứu được bao Thanh Hóa (thuộc liên khu 4 của Việt Cộng):

“Kể họ ch bàn xong, vào một đêm không trăng, chúng tôi cho đàn bà trẻ con xuống bè xuống sông, còn đàn ông chúng tôi đi đi khi đến đất làng. “Đốt cho sạch”, này là khẩu hiệu chung của chúng tôi. Mười gia đình và trai tráng trong một gia đình đều có nhiệm vụ thanh toán bằng lửa túp nhà của mình, nên ai này đều hăm dọa, một câu dù là đất mà hôi nước một của chính mình. Thấy hiểu như phát ra, trăm bó đuốc châm lên, trăm ngôi nhà đổ rụi.

Đây một thể là lửa để cảm nhận bùng cháy.

Lửa để y làng, đất cháy bao nhiêu người của dân làng, mà dân làng đều vui mừng hơn họ cũng đau đớn hơn. Xong công việc chúng tôi rút lui ra khỏi thuyền bè để, cách xa bờ để 100 thước,

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Tư: 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

và họ đi chèo thuyền ra biển. Chúng tôi say sưa chèo mãi cho đến khi ánh sáng trên biển tàn và đến nỗi tôi không thể nhìn thấy mặt trời và thấy mình lên đèn giữa biển...

Đi là cái hy vọng đến nỗi chúng tôi. Mãi cho đến lúc rạng đông, mặt biển song sao, gió thổi, ánh sáng lấp lánh nhìn chúng tôi quay lại phía sau, nhìn lên biển, nhưng không thấy đâu là biển cả.

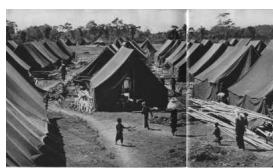
Lên đèn trên mặt biển cho đến lúc đèn bóng thì đoàn chúng tôi trông thấy mặt chiếu sáng ngoài xa. Chúng tôi reo hò, giơ tay vẫy, có người có sáng kiến hơ, cột mảnh áo treo lên trên cây xào làm cột phao lia biển. May quá, chiếu sáng chiếu lên 5,6 dặm ngoài biển phía chúng tôi. Mặt trời sau chúng tôi chiếu đến bên chiếu sáng. Các sĩ quan và thủy thủ hình như đã đến chiếu sáng đón chúng tôi, nên họ không hỏi han gì cả dòng thang giầy xuống đón chúng tôi. Họ nắm tay, dắt chúng tôi lên tàu, và mặt người lúc bấy giờ mặt trời là hù vía, thoát hiểm. Và tàu cập bến Hải Phòng lúc 2 giờ đêm. (Trích Cuộc Di cư lịch sử, trang 90-91)

Nhưng đã có bao nhiêu người di cư may mắn như đám người trên?

Tác giả Minh Võ, trong bài viết: Di cư, mặt kẻ nắm tay cay sau trở nên ngọt ngào viết: “Mặt tôi kẻ biển, biển mặt con phố đi 4 dặm ngoài biển có mặt biển thành công. Đón người đi dài gần 200 cây số mà cập bến đến Hải Phòng thì lại phải đi nhau quay về, vì biển nào cũng biển. Viết Minh ngăn cản, dẫu, đe dọa. Lòng biển, may có mặt cán bộ đưa phao người tình cập giầy tay cho đi hợp pháp mặt biển. Bà đã gặp lại người cán bộ này tại miền Nam chỉ ít ngày sau đó. Anh ta nói khi cập giầy cho gia đình tôi, là trong biển đã ôm mặt người đưa ra đi rồi. (Trích Minh Võ, trong Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc, trang 293-294)

Cuộc di cư này có thể chia ra ba giai đoạn: tiếp cận, di cư, và định cư.

Giai đoạn tiếp cận



Ngay khi nghe tin Điện Biên Phủ thất thủ ngày 07/05 và thỏa thuận của Geneva về chấm dứt ký kết ngày 20/7 chưa ráo mực thì đã có hàng triệu người di cư trong dân chúng.

Đúng ra là mặt cuộc kháng chiến, xáo trộn nhà chính trị gia đi hay. Nó không gì hoàn cảnh mặt tháo chạy rút quân như Ban Mê Thuột. Nhưng nó cũng có mặt vài góc cảnh giới như. Việc đi hay tùy thuộc khu vực dân chúng nằm trong vùng kiểm soát của Việt Minh cũng như hay trong vùng kiểm soát của Quốc gia. Nhiều cuộc di cư tháo chạy, có thể chuyển từ vùng ít an toàn sang vùng an toàn hơn.

Người Pháp đã không nghĩ tới họ không có mặt kẻ họ chực chờ nào như mặt mặt như người đi biển làng mạc ra đi. Trong Passing the Torch (tác giả, năm xuất bản? – DCVOnline) đã nhìn xét như thế này: “When refugees surged into Hai Phong, they encountered the chaos of an overcrowded and hostile city. By August 10, 1954, an estimated two hundred thousand

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Tư, 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

refugees were encamped at Hanoi and awaiting evacuation. (Trích trang 98) Khi số người di cư tràn ngập về Hà Nội, họ gặp phải tình trạng nạn đói, nạn dịch bệnh và sự thù ghét của thành phố. Đến 10/8/1954, có khoảng 200.000 người tị nạn tạm trú ở Hà Nội và chờ đợi được di cư.

Trong khi đó, dân chúng các tỉnh phía Nam của Bắc phần bị làng mạc và tập trung về những vùng như Bùi Chu, Phát Diệm, Nam Định và Phú Lý mà họ cho là an toàn hơn. Nhưng họ nhận thấy Bùi Chu có cả thảy 365 làng, những người ở đây không có an ninh. Khi nghe tin Điện Biên Phủ thất trận thì dân chúng bắt đầu có cảm giác chung quanh tỉnh Bùi Chu.

Trong sách Cuộc Di Cư Lịch Sử, trang 83 đã có viết như sau:

“Rồi cùng với những cuộc rút lui của quân đội Liên Hiệp Pháp khỏi các tỉnh miền Nam Trung-châu Bắc Việt, nhân dân các tỉnh Bùi Chu, Ninh Bình, Nam Định, Phú Lý về vùng chôn vùi Hà Nội. Tập đó nhân dân các tỉnh chung quanh Hà Nội như Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc Yên cũng bắt đầu kéo về Hà Nội. Những người sống sót di tản kéo về Hà Nội giữa khi dân chúng đô thành hoang mang lo lắng đã thấy những người khác hoảng sợ, do đó và chờ đợi cho phong trào di cư bùng nổ 3 ngày trước khi Hiệp định Geneva được ký kết. Chuyến đầu tiên của dân chúng Phát Diệm di cư vào Nam rời Bắc Việt vào ngày 17/07/1954 và cập bến Sài Gòn ngày 21/07/1954.

Xin nói cho rõ hơn, Bùi Chu và Phát Diệm là hai vùng bị rút lui của quân đội Pháp nên Bùi Chu và Phát Diệm cũng là những nơi đầu tiên mở đầu cho phong trào di cư vào miền Nam. Vì thế không lạ gì, đầu Thu Điện Anna Salen rời Bắc Việt và vào đến cảng Sài Gòn chỉ một ngày sau khi Hiệp định Geneva được ký kết.

Như vậy, những người dân Phát Diệm là những người đầu tiên chính thức di cư từ miền Bắc vào miền Nam.

Phong trào di cư sau đó càng thêm lan rộng.

Ở đây, những người ở khu vực tạm trú, mới thấy đầu tiên vì không được chu cấp lương thực. Nhưng họ nhận thấy toàn tỉnh Bùi Chu chỉ có một nhà kho lương thực với 85 triệu gạo nhưng chỉ đủ cho 440.000 dân. Chính quyền Quốc gia và Pháp tỏ ra bất lực. May có các quan USOM của Mỹ giúp giúp quyên góp lương thực nào những người khó khăn về lương thực và quần áo.

Như đã nói ở trên, chỉ tính đến ngày 10/08/1954, những người Pháp và chính quyền Quốc gia phải di tản về 200.000 người di cư chờ đợi được đi vào Nam. Lo ăn, lo mặc quần áo, lương thực cho 200.000 người chờ đợi không đủ?

Chính phủ Pháp, họ chưa thoát ra khỏi hậu quả của những quyết định sai lầm thất trận ở Điện Biên Phủ. Và theo tinh thần Hiệp định Geneva, họ phải rút khỏi Đông Dương trong vòng hai năm. Trong thời gian này, họ cần 400 triệu đô la Mỹ để nuôi quân lính Pháp. Ai sẽ tài trợ số tiền này, nếu không phải là Mỹ. Việc chuyên chở những người binh lính Pháp cũng phải tốn kém hàng triệu người Mỹ. Mỹ bị bắt tâm lý họ cho rằng họ chỉ là rút lui an toàn binh đội Pháp ra khỏi Bắc Việt. Ngay trước khi thất trận ở Điện Biên Phủ, những người Pháp đã có kế hoạch rút khỏi Bắc Việt các cơ sở hành chính như ngân hàng, các cơ sở giáo dục, các trường Tây đưa vào miền Nam.

Và họ đã làm.

Những họ có để phẫn nộ tình hình bực và khó họ chờ đợi giải quyết vấn đề di chuyển của người tị nạn sau hiệp định Geneva không?

Phần chính phần ông Diệm mà người ta gọi là "l'homme nouveau", người mới, tình hình là thời điểm chính quyền Quốc gia Việt Nam từ Nam ra Bắc, những xem ra quyền hành của ông thu gọn về phía Nam hơn là phía Bắc. Không thể trách được vì ngày 26/06/1954, ông Diệm mới đến chân núi Sài Gòn trong một tình huống cực kỳ bấp bênh và hỗn loạn. Bấp bênh vì có nhu cầu chính để đi về phía người Mỹ và nhất là phía người Pháp bằng một ngôn ngữ thô tục nhất gán ghép cho ông như: thiến công, bồng bồng, quá công nhân, một giải pháp-khác-Diệm, chính quyền công nhân đoàn, người khó khăn để liên hệ, kẻ tiên tri không có lời rao giảng. Nhu cầu giải pháp, nhu cầu tên tuổi để nêu ra trong danh sách những người có thể thay thế ông Diệm.

Salan đã đón chào ông Diệm về làm thời điểm bằng cách ra lệnh triệt thoái quân đội về chính Pháp ra khỏi 4 tỉnh phía Nam của Bắc Việt và sau đó để quân đội quốc gia thay thế. Việc triệt thoái binh đội Pháp ra khỏi 4 tỉnh phía Nam trước sau cũng phải làm. Những làm sao để không gây ra những bất ổn chính trị, tình hình họ không tránh được của thành phần dân chúng sống trong các vùng do Pháp kiểm soát?

Xin trích dẫn Trần Tam Tỉnh, kẻ đưa đường cho công sự, mô tả hoàn cảnh người di cư các tỉnh phía Nam Bắc như sau:

Báo chí ngày 25/10/1954 viết: "Cuộc xuất hành bằng đường biển về những người di cư, phần đông phần lớn khác rất yếu ớt, những người di cư, phần đông là công giáo, từ các vùng Bùi Chu, Phát Diệm do Việt Minh kiểm soát, trong vòng 24 giờ qua đã lên tới con số hàng triệu khi hơn một triệu lính Hải quân Pháp đã phải quy tập đến một chỗ. Đêm qua và sáng nay, các đội về Hải quân Pháp đã chia cho Hải Phòng gần 2000 người di cư, họ vượt được ngoài khơi hải phận Việt Minh, khoảng 100km miền Nam Hải Phòng. Theo lời những người di cư, hàng ngàn người khác thuộc địa phận Bùi Chu và Phát Diệm đang tìm cách vượt biển, có khi phải chờ 5000 quan Pháp cho một chuyến trên các thuyền nhỏ bé. Nhu cầu thuyền bè đã bùng nổ và đội luôn trong các công nhân đang làm đêm ngày này. Như vậy, hàng trăm người di cư đã bị chết đuối trong tai nạn đó. Ngày 26/10/1954, báo chí đưa tin: 15.000 người công giáo bắt đầu bằng ghe thuyền nhỏ bé để đi tìm tự do, từ các địa phận Bùi Chu và Phát Diệm đã tới được Hải Phòng". (Trích Tập giá và lời giải, Trần Tam Tỉnh, trang 109)

Amouroux đã viết trên tờ Aurore lời kêu gọi như sau:

"Chúng ta, thời điểm do và không chờ có nước Pháp, chúng ta có thể nào bỏ rơi những con người đó mà chờ sự thù, đem quặng họ vào bàn tay công sự và làm cho cuộc bắt đầu năm 1954 hóa ra vô ích sao?"

Thức sự trên thức thức, quân đội quốc gia cũng đã không thể thay thế quân đội Pháp được. Người viết bài này đã theo anh ruột thuộc Bộ An đoàn, tên Phạm Lý được chuyên chở bằng xe camion ra Hà Nội, rồi từ Hà Nội đáp máy bay vào Tourane vào cuối tháng 07/1954. Đó là những chuyến bay sớm nhất của quân đội Pháp chở binh sĩ Quốc gia và gia đình của họ di cư vào miền Nam.

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc
Thứ Tư, 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

Dân chúng ở các tỉnh miền quân đội Pháp ở miền Bắc Hà Nội, Sơn Tây, Hòa Bình Ninh còn có nhiều người may mắn đi ra Hội Phòng học Đ. Sơn Bắc ng. đ. ng. b. Kh. n. đ. n. nh. t. là dân chúng đi về các tỉnh phía Nam Bắc Việt không được đưa đi đ. c. b. ng. đ. ng. b. cũng như đ. ng. th. y. ra Hội Phòng.

T. c. a. C. n. Thoi ra Hội Phòng trên nh. ng. m. nh. bè tre n. a. ghép lại một cách vội vã, tùy tiện b. m. c. cho s. s. ng. ch. t. là trăm phần gian nan và kh. n. đ. n.

Đ. c. tin này, ngày 29/06 ông Di. m. ph. n. đ. i. k. ch. li. t. quy. t. đ. nh. c. a. ng. i. Pháp và yêu cầu ng. i. M. can. thi. p. v. i. th. t. ng. Mendes-France. S. thù. h. n. và m. i. hi. m. kh. i. c. a. ông Di. m. đ. i. v. i. ng. i. Pháp t. nh. ng. s. v. i. c. trên kéo dài. Sau này, ông Di. m. yêu cầu Pháp ch. m. đ. t. m. i. liên. h. v. i. Hà. N. i. Pháp không đồng ý. Ông cũng nghi ngờ ng. i. Pháp là đưa m. i. gi. t. gi. ay, âm. m. u. v. i. các. giáo. phái. cũng. nh. đ. ng. đ. ng. sau. nhóm. B. y. Vi. n, Nguyễn Văn Hình.

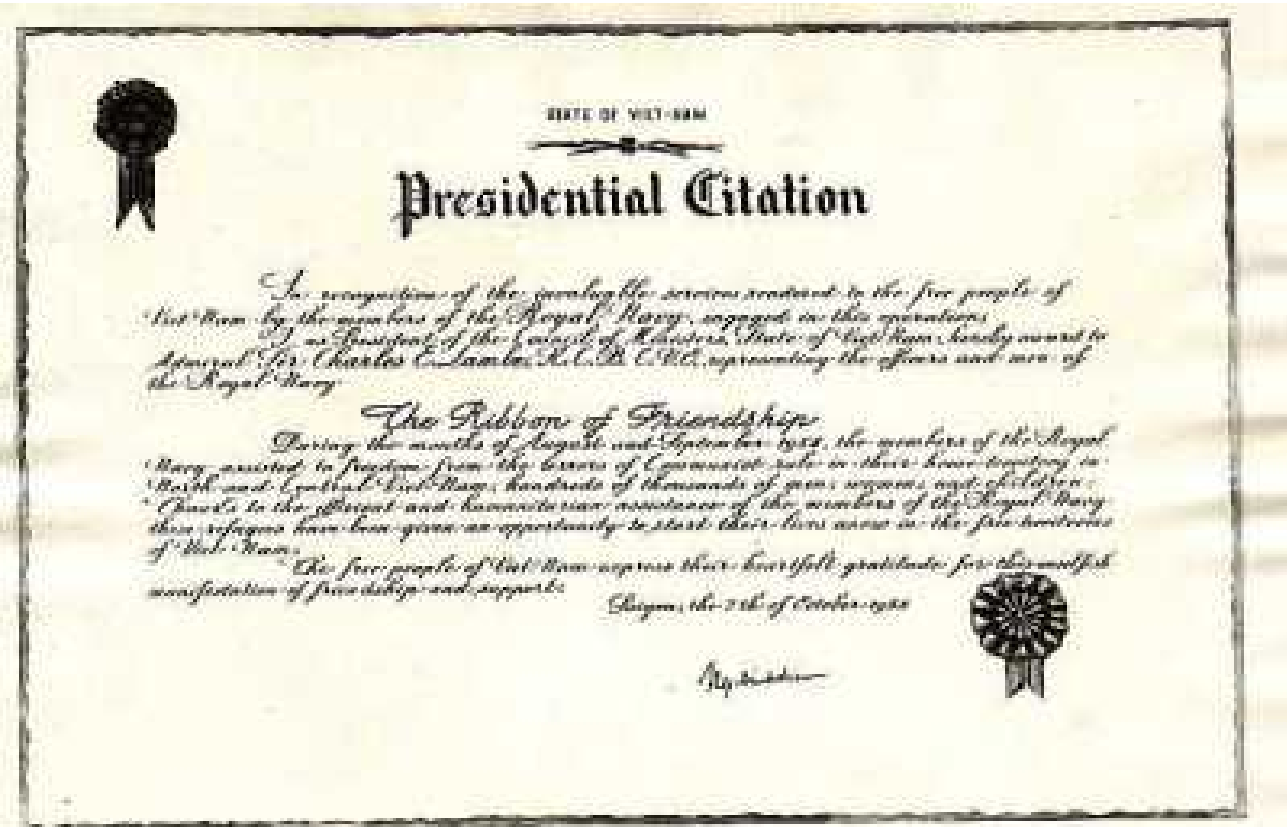
Vì thế, khi n. đ. nh. xong. tình. hình. chính. tr. mi. n. Nam. thì. đã. đ. n. lúc. ng. i. Pháp. ph. i. xách. gói. ra. đi. Ngày. 28/04/1956, ngày. cu. i. cùng. c. a. m. t. s. binh. đ. i. Pháp. còn. sót. lại. di. n. hành. trên. đ. ng. ph. Catinat, sau. đó. đáp. t. u. b. n. c. ng. Sài. Gòn. trên. đ. ng. v. n. c. Cũng. có. n. c. m. t. ti. n. đ. a. ở. đâu, th. i. nào. thì. cũng. th. , ng. i. ta. nhìn. th. y. có. nh. ng. m. nh. ph. lén. lút. chui. n. c. m. t. ti. c. nu. i. Cũng. đ. y. đ. nghi. l. , cũng. kèn. tr. ng.

K. t. nay, ch. đ. th. c. dân. Pháp. th. c. s. ch. m. đ. t.

Ph. i. chẳng. nh. ng. nghi. th. c. b. ngoài. là. nh. ng. th. mà. lúc. nào. m. t. ng. i. Pháp. l. ch. s. , có. văn. hóa. cũng. c. n. đ. n? Hình. nh. này. nh. c. nh. ng. i. ta. nh. đ. n. bu. i. l. cu. n. c. c. a. quân. đ. i. Pháp. Hà. N. i. vào. tháng. 10/1954.

H. mu. n. ra. đi. trong. đ. ng. hoàng, tr. t. nh. khi. quân. đ. i. Pháp. rút. kh. i. Hà. N. i. đ. bàn. giao. lại. cho. Vi. t. Minh. thay. th. h. ?

Sau. này, ông. Di. m. ch. riêng. t. ng. huân. ch. ng. cao. quý. Presidential. Citation. with. Ribbon. of. friendship. cho. Hội. quân. đ. c. Sabin. t. i. Sài. Gòn. khi. giai. đ. n. di. c. đã. hoàn. t. t.(2)



Presented to **R.M.S. BURNELLOR** on the 13th October 1954.

Between the 4th and 13th September 1954 **R.M.S. BURNELLOR**, then working on the Far East Station, evacuated 3,221 Vietnamese refugees from Haiphong to Saigon.

